

ĐẢNG BỘ CHÍNH PHỦ
ĐẢNG ỦY
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*
Số -CV/ĐU

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

V/v thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo về chống
khai thác IUU, gỡ cảnh báo “Thẻ vàng” của EC

Kính gửi:

- Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển;
- Đồng chí Bí thư tỉnh ủy, thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển;
- Đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển.

Thực hiện chỉ đạo của Ban Bí thư tại Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 10/4/2024 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định và phát triển bền vững ngành thủy sản (*sau đây gọi tắt là Chỉ thị số 32-CT/TW*), Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 22/4/2024 của Chính phủ về Chương trình hành động và Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư và các ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về chống khai thác IUU (*văn bản số 1182/VPCP-NN ngày 20/3/2025, văn 1379/VPCP-NN ngày 31/3/2025...*), Bí thư Đảng ủy, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã có văn bản gửi từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế trong chống khai thác IUU – **Chi tiết văn bản kèm theo**.

Ngoài ra, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Quốc gia về IUU*) thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, ban hành nhiều văn bản đề nghị địa phương tập trung triển khai thực hiện các nội dung trọng tâm, then chốt mà EC rất quan tâm để xem xét gỡ cảnh báo “Thẻ vàng” cho Việt Nam tại đợt thanh tra lần thứ 5 (*văn bản số 876/BNN-KN ngày 07/02/2025, văn bản số 992/BNN-TS ngày 12/02/2025, văn bản số 913/BNNMT-TSKN ngày 09/4/2025, văn bản số 1889/BNNMT-TSKN ngày 09/5/2025, văn bản số 2004/BNNMT-TSKN ngày 13/5/2025...*) về việc ngăn chặn, chấm dứt tàu cá, ngư dân vi phạm khai thác hải sản bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài; kiên quyết xử lý nghiêm khắc, triệt để các hành vi vi phạm khai thác IUU nghiêm trọng (*mất kết nối VMS trên 06 giờ không báo cáo vị trí về bờ, mất kết nối VMS quá 10 ngày trên biển không quay về bờ, vượt ranh giới cho phép khai thác trên biển, vi phạm khai thác hải sản bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài*).

Tuy nhiên, việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao tại các địa phương còn hạn chế, chưa thường xuyên, nghiêm túc. Đây là nguyên nhân cơ bản dẫn đến công tác chống khai thác IUU, gỡ cảnh báo “Thẻ vàng” của EC chưa đạt được kết quả theo yêu cầu, một số tồn tại hạn chế, yếu kém chủ yếu chưa được giải quyết triệt để như:

- Chưa ngăn chặn hiệu quả tình trạng tàu cá, ngư dân vi phạm khai thác hải sản bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài; tàu cá và ngư dân ở một số địa phương vẫn tiếp tục vi phạm, diễn biến phức tạp (*từ đầu năm 2025 đến nay, xảy ra 21 tàu/152 ngư dân vi phạm bị bắt giữ, xử lý tại các nước Thái Lan, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Đài Loan, cụ thể: An Giang (08 tàu); Cà Mau (04 tàu), Đắc Lắc (01 tàu), Lâm Đồng (01 tàu), thành phố Hồ Chí Minh (01 tàu), 06 tàu chưa rõ địa phương (sử dụng biển số giả, không có số đăng ký), năm 2024 xảy ra 58 tàu/393 ngư dân bị bắt giữ, xử lý*) – **Chi tiết từng địa phương tại Phụ lục I.** Trong khi công tác xử lý vi phạm còn rất hạn chế; đến nay mới xử phạt được 19 trường hợp, trong đó: năm 2024 xử phạt được 18 trường hợp (*Gia Lai xử phạt 08 trường hợp, An Giang xử phạt 10 trường hợp*), năm 2025 mới xử phạt được 01 trường hợp tại tỉnh An Giang.

- Thực thi pháp luật trong xử phạt hành chính các hành vi vi phạm khai thác IUU nghiêm trọng (*mất kết nối VMS trên 06 giờ không báo cáo vị trí về bờ, mất kết nối VMS quá 10 ngày trên biển không quay về bờ, vượt ranh giới cho phép khai thác trên biển, vi phạm khai thác hải sản bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài*) chưa nghiêm túc, trường hợp tàu cá vi phạm bị xử phạt với tỷ lệ còn rất thấp so với vụ việc được phát hiện; nhiều địa phương đến nay chưa thực hiện xử lý các trường hợp vi phạm được phát hiện - **Chi tiết từng địa phương tại Phụ lục III.**

Nếu các chỉ đạo của Ban Bí thư, của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về IUU và của Bộ Nông nghiệp và Môi trường không được thực hiện nghiêm túc tại các địa phương, mục tiêu gỡ cảnh báo “Thẻ vàng” của EC trong năm 2025 sẽ không đạt được, thậm chí bị cảnh báo “Thẻ đỏ”. Vì vậy, Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, đồng chí Bí thư tỉnh ủy, thành ủy, đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển tăng cường, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hệ thống chính trị tại địa phương triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, trọng tâm, trọng điểm phù hợp điều kiện thực tế tại địa phương theo chỉ đạo của Ban Bí thư, của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo quốc gia về IUU và của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Khẩn trương ổn định cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản, các cơ quan, lực lượng chức năng có liên quan; rà soát, chấn chỉnh, phân định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ, thời gian hoàn thành cụ thể của từng cơ quan, lực lượng chức năng, cá nhân và thường xuyên kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện theo cơ chế chính quyền địa phương hai cấp.

3. Huy động nguồn lực tổng hợp của cả hệ thống chính trị; nhất là cấp cơ sở (*các đồn, trạm biên phòng; công an xã/phường/thị trấn; chính quyền cơ sở; các tổ chức chính trị, chính trị xã hội; các hội, hiệp hội, đoàn thể và các cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản...*); trong đó phát huy tối đa vai trò của công an xã trong nắm chắc các địa bàn trọng tâm, trọng điểm; thực hiện phương châm “*mỗi đảng viên, chiến sỹ biên phòng, chiến sỹ công an, công chức, viên chức, người lao động trong chính quyền cơ sở, cán bộ quản lý thủy sản...*” phụ trách một hoặc một nhóm tàu cá, ngư dân có nguy cơ cao vi phạm vùng biển nước ngoài để tuyên truyền, vận động, theo dõi, ngăn chặn ngay từ trong bờ và trên biển, kịp thời xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật, trong đó tập trung thực hiện các công việc sau đây:

- Theo dõi, kiểm soát hoạt động của toàn bộ tàu cá tại cộng đồng, cảng cá và trên các vùng biển (*kể cả các cảng cá tư nhân, bến cá*); thực hiện cao điểm tuần tra, kiểm soát tại các cửa sông, cửa lạch, các đảo, bãi ngang; khoanh vùng, theo dõi, quản lý từng tàu cá, ngư dân có nguy cơ cao vi phạm vùng biển nước ngoài, các đối tượng lao động nghề cá không có địa chỉ tạm trú tại địa phương hoặc người của địa phương khác; các tàu hoạt động nghề lưới kéo, câu mực, tàu dịch vụ hậu cần nguồn lợi thủy sản, tàu chuyên tải sản phẩm thủy sản khai thác đảm bảo truy vết, xác định tận gốc nguồn gốc sản phẩm thủy sản khai thác được chuyển tải cập cảng bốc dỡ thủy sản.

- Hàng tuần, lập danh sách và giao cơ quan chức năng và chính quyền cấp xã thực hiện các biện pháp quản lý tàu cá không đủ điều kiện hoạt động; xem xét áp dụng biện pháp quản lý neo đậu tập trung, niêm phong, khóa tàu cá không đủ điều kiện hoạt động để đảm bảo các tàu cá này không thể tham gia hoạt động; theo dõi, giám sát hoạt động của các chủ tàu, thuyền trưởng, ngư dân, môi giới có nguy cơ cao vi phạm vùng biển nước ngoài để ngăn chặn kịp thời tàu cá, ngư dân vi phạm vùng biển nước ngoài ngay tại cộng đồng.

- Hàng ngày xác định danh sách tàu cá mất kết nối VMS, tàu cá hoạt động ở vùng gần ranh giới được phép khai thác trên biển trên hệ thống VMS để liên hệ động viên, thăm hỏi bảo vệ quyền khai thác hợp pháp; đồng thời nhắc nhở không được vô hiệu hóa thiết bị VMS, vượt ranh giới khai thác bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài.

- Đảm bảo tàu cá xuất bến qua các đồn, trạm biên phòng tham gia hoạt động khai thác thủy sản phải có xác nhận rời cảng của cảng cá; tàu cá nhập bến qua các đồn, trạm biên phòng phải được thông báo đến cảng cá, công an xã, chính quyền cơ sở để kiểm soát, xử lý nếu không cập cảng bốc dỡ thủy sản khai thác theo quy định.

4. Củng cố hồ sơ, xử phạt vi phạm hành chính toàn bộ các trường hợp vi phạm hành vi khai thác IUU nghiêm trọng từ năm 2024 đến nay (*mất kết nối VMS trên 06 tiếng không báo cáo vị trí về bờ, mất kết nối VMS quá 10 ngày trên biển không quay về bờ, vượt ranh giới cho phép khai thác trên biển, vi phạm khai thác*

hải sản bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài) theo quy định tại Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05/4/2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản (*kể cả trường hợp chủ tàu, thuyền trưởng không có mặt tại nơi cư trú*); đồng thời áp dụng các biện pháp xử lý hình sự theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐTP ngày 12/06/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Lưu ý rằng, các hành vi vi phạm hành chính tại Nghị định số 38/2024/NĐ-CP khác với tội danh hình sự quy định tại Bộ luật hình sự và khác với hành vi vi phạm pháp luật của nước ngoài; cụ thể:

- Vụ việc vi phạm hành chính được quy định tại Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05/4/2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản và có dấu hiệu vi phạm hình sự theo quy định pháp luật hình sự và Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐTP ngày 12/06/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì phải tiến hành điều tra, xử lý vụ việc vi phạm cả về hành chính và hình sự theo quy định.

- Đối với các vụ việc vi phạm hành chính được quy định tại Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05/4/2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản, mà đối tượng vi phạm hiện không có mặt tại địa phương thì áp dụng biện pháp xử lý vi phạm theo quy định tại điểm b, khoản 8, điều 12 Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

- Thực hiện thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản và gửi quyết định để xử phạt vi phạm hành chính để tổ chức thi hành theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật sau: Nghị định 189/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; Nghị định 190/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ và Nghị định số 120/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

- Khẩn trương đưa ra truy tố, xét xử các vụ việc đã khởi tố và tiếp tục khởi tố, truy tố, xét xử các hành vi liên quan đến đưa tàu cá, ngư dân khai thác hải sản bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài, gửi, vận chuyển thiết bị VMS... theo Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, để tạo sự răn đe, giáo dục trong cộng đồng cư dân ven biển.

5. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, xử lý trách nhiệm các tổ chức, cá nhân không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao trong thực thi công vụ, đùn

đẩy, né tránh, chậm trễ trong việc xử lý các hành vi vi phạm khai thác IUU nghiêm trọng, ảnh hưởng đến nỗ lực chung gỡ cảnh báo “Thẻ vàng” của EC.

Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường trân trọng đề nghị Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, đồng chí Bí thư tỉnh ủy, thành ủy, đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ven biển tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Ban Bí thư (để b/c),
- Đảng ủy Chính phủ (để b/c),
- Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính (để b/c),
- Phó TTGCP Trần Hồng Hà (để b/c),
- Bí thư Đảng ủy, Bộ trưởng (để b/c),
- Các Bộ: Quốc phòng, Công an, Tư pháp, Ngoại giao (để p/h),
- Văn phòng Trung ương Đảng (để p/h),
- Văn phòng Chính phủ (để p/h),
- Các đ/c UVBTW Đảng ủy Bộ,
- Cục Thủy sản và Kiểm ngư (để t/h),
- Cục CLCB&PTTT (để t/h);
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố TW ven biển (để t/h);
- Lưu: VT, VP ĐU, TSKN.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

Phùng Đức Tiến

Phụ lục I:
TÌNH HÌNH TÀU CÁ, NGƯ DÂN BỊ NƯỚC NGOÀI BẮT GIỮ, XỬ LÝ NĂM 2024 VÀ NĂM 2025
(kèm theo Công văn số -CV/ĐU ngày tháng năm 2025 của Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Năm 2024

TT	Thời gian bắt giữ	Địa phương		Vụ việc bị bắt giữ		Thông tin tàu cá	Nước bắt giữ
		Biển kiểm soát khi bắt giữ	Kết quả xác minh	Tàu	Ngư dân	Số đăng ký	
I. Bị bắt giữ do vi phạm vùng biển nước ngoài (đã xác định số đăng ký tàu cá của tỉnh):							
1	4-3-2024	An Giang	An Giang	1	5	KG-92062-TS	Thái Lan
2	6-3-2024	An Giang	An Giang	1	13	KG-91771-TS	Thái Lan
3	11-5-2024	An Giang	An Giang	1	4	KG-92903-TS	Thái Lan
4	5-5-2024	An Giang	An Giang	2	18	KG-94088-TS và 01 tàu không rõ số hiệu	Ma-lai-xi-a
5	3-6-2024	An Giang	An Giang	2	11	KG-95986-TS, KG-91169-TS	Thái Lan
6	4-7-2024	An Giang	An Giang	2	20	KG-90072-TS, KG-9099B-TS	Ma-lai-xi-a
7	4-7-2024	An Giang	An Giang	1	4	KG-62481-TS	Thái Lan
8	28-6-2024	An Giang	An Giang	2	20	KG-9324-TS, KG-90520-TS	In-đô-nê-xi-a
9	4-5-2024	An Giang	An Giang	2	16	KG-92645-TS, KG-90139-TS	Thái Lan
10	6-7-2024	An Giang	An Giang	1	2	KG-94369-TS	Ma-lai-xi-a
11	7-8-2024	An Giang	An Giang	2	13	KG-95528-TS, KG-95084-TS	Ma-lai-xi-a
12	15-11-2024	An Giang	An Giang	1	13	KG-91530-TS	Ma-lai-xi-a
Tổng số		Tổng An Giang	Tổng An Giang	18	139		
1	14-03-24	Gia Lai	Gia Lai	1	6	BĐ-93775-TS	Ma-lai-xi-a
2	04-04-24	Gia Lai	Gia Lai	3	18	BĐ-31124-TS, BĐ-30221-TS, BĐ-30779-TS	Ma-lai-xi-a
3	09-04-24	Gia Lai	Gia Lai	1	6	BĐ-93578-TS	Ma-lai-xi-a
4	03-05-24	Gia Lai	Gia Lai	1	6	BĐ-94997-TS	Ma-lai-xi-a
5	16-05-24	Gia Lai	Gia Lai	2	12	BĐ-93150-TS, BĐ-30949-TS	Ma-lai-xi-a
7	03-05-24	Gia Lai	Gia Lai	2	4	BĐ-94258-TS, BĐ-40003-TS	Thái Lan
	Tổng	Tổng Gia Lai	Tổng Gia Lai	10	52		

TT	Thời gian bắt giữ	Địa phương		Vụ việc bị bắt giữ		Thông tin tàu cá	Nước bắt giữ
		Biển kiểm soát khi bắt giữ	Kết quả xác minh	Tàu	Ngư dân	Số đăng ký	
1	11-05-24	Cà Mau	Cà Mau	1	5	CM-99275-TS	Thái Lan
2	05-05-24	Cà Mau	Cà Mau	1	5	CM-01245-TS	Thái Lan
3	08-06-24	Cà Mau	Cà Mau	1	10	CM-99466-TS	Ma-lai-xi-a
4	17-10-24	Cà Mau	Cà Mau	1	4	CM-92907-TS	Ma-lai-xi-a
	Tổng	Tổng Cà Mau	Tổng Cà Mau	4	24		
1	05-10-24	Đồng Tháp	Đồng Tháp	2	10	TG-93998-TS, TG-94998-TS	Ma-lai-xi-a
2	11-10-24	Đồng Tháp	Đồng Tháp	1	5	TG-92023-TS	Ma-lai-xi-a
	Tổng	Tổng Đồng Tháp	Tổng Đồng Tháp	3	15		
	Tổng	Tổng		35	230		
III. Bị bắt giữ do vi phạm vùng biển nước ngoài nhưng tàu cá sử dụng biển số giả của tỉnh khác hoặc không rõ biển số không xác minh được							
1	9-2-2024	Không rõ BKS	Không rõ BKS	2	10	Không rõ BKS	Thái Lan
2	22-2-2024	Không rõ BKS	Không rõ BKS	1		Không rõ BKS	Thái Lan
3	6-3-2024	Không rõ BKS	Không rõ BKS	2	19	Không rõ BKS	Ma-lai-xi-a
4	16-3-2024	Kiên Giang	Sử dụng biển số giả	2	23	KG-6215-TS, KG-6216-TS	Ma-lai-xi-a
5	22-2-2024	Bạc Liêu	Sử dụng biển số giả	2	11	BL-9243-TS, BL-1242-TS	Thái Lan
6	16-3-2024	Không rõ BKS	Không rõ BKS	2	23	Không rõ BKS	Ma-lai-xi-a
7	25-3-2024	Không rõ BKS	Không rõ BKS	1		Không rõ BKS	Ma-lai-xi-a
8	11-5-2024	Kiên Giang	Sử dụng biển số giả	1	5	KG-94150-TS	Thái Lan
9	11-5-2024	Cà Mau	Sử dụng biển số giả	1	5	CM-91831-TS	Thái Lan
10	11-5-2024	Không rõ BKS	Không rõ BKS	1	6	Không rõ BKS	Thái Lan
11	4-5-2024	Bà Rịa Vũng Tàu	Sử dụng biển số giả	2	20	BV-4417-TS, BV-1182-TS	In-đô-nê-xi-a
12	18-4-2024	Không rõ BKS	Không rõ BKS	2	12	Không rõ BKS	Ma-lai-xi-a
13	22-5-2024	Bà Rịa Vũng Tàu	Đã bán sang An Giang	2	20	BV-94938-TS, BV-95447-TS	Ma-lai-xi-a
14	3-8-2024	Không rõ BKS	Không rõ BKS	2	9	KG -947...TS, và chưa rõ số	Thái Lan
	Tổng	Tổng		23	163		
	Tổng 2024	Tổng 2024		58	393		

2. Năm 2025

TT	Thời gian bắt giữ	Địa phương		Vụ việc bị bắt giữ		Thông tin tàu cá	Nước bắt giữ
		Biển kiểm soát khi bắt giữ	Kết quả xác minh	Tàu	Ngư dân	Số đăng ký	
I. Bị bắt giữ do vi phạm vùng biển nước ngoài (đã xác định rõ tàu cá của tỉnh):							
1	3-1-2025	An Giang	An Giang	1	5	KG-90141-TS	Thái Lan
2	13-1-2025	An Giang	An Giang	1	5	KG-92796-TS	Thái Lan
3	24-2-2025	An Giang	An Giang	1	4	KG-95541-TS	Thái Lan
4	14-4-2025	An Giang	An Giang	2	30	KG-93682-TS. KG-95762-TS	In-đô-nê-xi-a
5	20-5-2025	An Giang	An Giang	2	15	KG-6219-TS. KG-6277-TS	In-đô-nê-xi-a
6	4-5-2025	An Giang	An Giang	1	10	KG-62356-TS	Thái Lan
	Tổng	Tổng Kiên Giang	Tổng Kiên Giang	8	69		
1	06-04-25	Cà Mau	Cà Mau	2	12	CM-91056-TS. CM-92601-TS	Ma-lai-xi-a
2	27-04-25	Cà Mau	Cà Mau	1	3	CM-92480-TS	Ma-lai-xi-a
	26-01-25	Số hiệu 08	Cà Mau	1	5	BL-93690-TS	Thái Lan
	Tổng	Tổng Cà Mau	Tổng Cà Mau	4	20		
1	09-05-25	Đắk Lắk	Đắk Lắk	1	6	PY-96896-TS	Phi-líp-pin
	Tổng	Tổng Đắk Lắk	Tổng Đắk Lắk	1	6		
1	16-5-2025	Lâm Đồng	Lâm Đồng	1	5	BTh-84690	Ma-lai-xi-a
	Tổng	Tổng Lâm Đồng	Tổng Lâm Đồng	1	5		
1	15-5-2025	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	1	11	BV-93269-TS	Đài Loan
	Tổng	Tổng TP. Hồ Chí Minh	Tổng TP. Hồ Chí Minh	1	11		
	Tổng	Tổng	Tổng	15	111		
II. Bị bắt giữ do vi phạm vùng biển nước ngoài nhưng tàu cá sử dụng biển số giả của tỉnh khác hoặc không rõ biển số không xác minh được							
1	18-3-2025	Chưa rõ	Chưa rõ	1	5		Thái Lan
2	4-5-2025	Chưa rõ	Chưa rõ	1	5	Khả năng tàu cá tỉnh An Giang do bị bắt cùng với tàu cá KG-62356-TS	Thái Lan
3	10-5-2025	SPF4949	Chưa rõ	1	5		Ma-lai-xi-a
4	10-5-2025	SPF6868	Chưa rõ	1	6		Ma-lai-xi-a

TT	Thời gian bắt giữ	Địa phương		Vụ việc bị bắt giữ		Thông tin tàu cá	Nước bắt giữ
		Biển kiểm soát khi bắt giữ	Kết quả xác minh	Tàu	Ngư dân	Số đăng ký	
5	11-5-2025	HP99TS	Chưa rõ	1	17		Ma-lai-xi-a
6	11-5-2025	HP9080	Chưa rõ	1	3		Ma-lai-xi-a
	Tổng	Tổng		6	41		
	Tổng 2025	Tổng 2025		21	152		

Phụ lục II:**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ XỬ LÝ TÀU CÁ VI PHẠM MẮT KẾT NỐI VMS, VƯỢT RANH GIỚI CHO PHÉP KHAI THÁC TRÊN BIỂN TẠI ĐỊA PHƯƠNG TỪ NĂM 2024 VÀ NĂM 2025 (tính đến ngày 30/6/2025)**

(kèm theo Công văn số -CV/ĐU ngày tháng năm 2025 của Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

I. NGẮT KẾT NỐI VMS**1. Trên 6 giờ đến 10 ngày****1.1. Đối với tàu cá có chiều dài từ 24 mét trở lên****Năm 2024:**

Tỉnh/Thành phố mới	Tỉnh/Thành phố cũ	Năm 2024		Đã xử phạt		Lượt/tàu chưa xử phạt					
		Số tàu	Số lượt	Số tàu	Số lượt	Số lượt chưa xử phạt	Số tàu chưa xử phạt	Số lượt báo cáo vị trí định kỳ	Số tàu báo cáo vị trí định kỳ	Số lượt không báo cáo vị trí định kỳ	Số tàu không báo cáo vị trí định kỳ
Quảng Ninh	Quảng Ninh	11	107	0	0	107	11	0	0	107	11
TP. Hải Phòng	Hải Phòng	22	141	4	9	132	22	3	2	129	22
Hưng Yên	Thái Bình	12	80	1	5	75	12	75	12	0	0
Ninh Bình	Nam Định	15	398	1	3	395	15	7	2	388	15
	Ninh Bình	2	21	0	0	21	2	0	0	21	2
Thanh Hóa	Thanh Hóa	64	831	0	0	831	64	0	0	831	64
Nghệ An	Nghệ An	194	1973	63	331	1642	189	3	1	1639	189

Tỉnh/Thành phố mới	Tỉnh/Thành phố cũ	Năm 2024		Đã xử phạt		Lượt/tàu chưa xử phạt					
		Số tàu	Số lượt	Số tàu	Số lượt	Số lượt chưa xử phạt	<i>Số tàu chưa xử phạt</i>	Số lượt báo cáo vị trí định kỳ	<i>Số tàu báo cáo vị trí định kỳ</i>	Số lượt không báo cáo vị trí định kỳ	Số tàu không báo cáo vị trí định kỳ
Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	1	2	0	0	2	1	0	0	2	1
Quảng Trị	Quảng Bình	13	81	3	3	78	13	5	3	73	12
	Quảng Trị	11	45	0	0	45	11	38	8	7	4
TP. Huế	Thừa Thiên Huế	12	82	0	0	82	12	0	0	82	12
TP. Đà Nẵng	Đà Nẵng	5	11	0	0	11	5	2	2	9	4
	Quảng Nam	29	230	16	25	205	29	0	0	205	29
Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	118	1641	8	12	1629	116	3	2	1626	116
Gia Lai	Bình Định	22	127	0	0	127	22	0	0	127	22
Đắk Lắk	Phú Yên	6	22	0	0	22	6	4	3	18	5
Khánh Hòa	Ninh Thuận	10	36	0	0	36	10	8	3	28	9
	Khánh Hòa	15	29	0	0	29	15	0	0	29	15
Lâm Đồng	Bình Thuận	26	245	0	0	245	26	0	0	245	26
TP. Hồ Chí Minh	Bà Rịa - Vũng Tàu	171	1208	9	9	1199	170	144	36	1055	167
	Hồ Chí Minh	1	1	0	0	1	1	1	1	0	0
Vĩnh Long	Bến Tre	409	2856	0	0	2856	409	233	106	2623	402
	Vĩnh Long	1	3	0	0	3	1	0	0	3	1
	Trà Vinh	9	35	0	0	35	9	7	4	28	9
TP. Cần Thơ	Sóc Trăng	14	174	0	0	174	14	80	10	94	14
Cà Mau	Bạc Liêu	9	35	0	0	35	9	0	0	35	9
	Cà Mau	51	427	1	1	426	51	14	9	412	49

Tỉnh/Thành phố mới	Tỉnh/Thành phố cũ	Năm 2024		Đã xử phạt		Lượt/tàu chưa xử phạt					
		Số tàu	Số lượt	Số tàu	Số lượt	Số lượt chưa xử phạt	<i>Số tàu chưa xử phạt</i>	Số lượt báo cáo vị trí định kỳ	<i>Số tàu báo cáo vị trí định kỳ</i>	Số lượt không báo cáo vị trí định kỳ	Số tàu không báo cáo vị trí định kỳ
An Giang	Kiên Giang	465	6913	7	180	6733	463	2013	250	4720	448
Đồng Tháp	Tiền Giang	125	1303	1	7	1296	125	1275	125	21	6
Tổng cộng		1.843	19.057	114	585	18.472	1.833	3.915	579	14.557	1.663

Năm 2025

Tỉnh/Thành phố mới	Tỉnh/Thành phố cũ	Năm 2025		Đã xử phạt		Lượt/tàu chưa xử phạt					
		Số lượt	Số tàu	Số tàu	Số lượt	Số lượt chưa xử phạt	<i>Số tàu chưa xử phạt</i>	Số lượt báo cáo vị trí định kỳ	<i>Số tàu báo cáo vị trí định kỳ</i>	Số lượt không báo cáo vị trí định kỳ	Số tàu không báo cáo vị trí định kỳ
Quảng Ninh	Quảng Ninh	4	3	0	0	4	3	0	0	4	3
TP. Hải Phòng	Hải Phòng	10	6	0	0	10	6	0	0	10	6
Hưng Yên	Thái Bình	6	4	0	0	6	4	6	4	0	0
Ninh Bình	Nam Định	18	7	0	0	18	7	1	1	17	7
	Ninh Bình	1	1	0	0	1	1	1	1	0	0

[illegible]

Tỉnh/Thành phố mới	Tỉnh/Thành phố cũ	Năm 2025		Đã xử phạt		Lượt/tàu chưa xử phạt					
		Số lượt	Số tàu	Số tàu	Số lượt	Số lượt chưa xử phạt	Số tàu chưa xử phạt	Số lượt báo cáo vị trí định kỳ	Số tàu báo cáo vị trí định kỳ	Số lượt không báo cáo vị trí định kỳ	Số tàu không báo cáo vị trí định kỳ
TP. Cần Thơ	Sóc Trăng	35	7	0	0	35	7	34	7	1	1
Cà Mau	Bạc Liêu	2	2	0	0	2	2	1	1	1	1
	Cà Mau	36	16	1	1	35	15	24	13	11	6
An Giang	Kiên Giang	837	190	2	3	834	188	428	102	406	145
Tây Ninh	Long An	24	2	0	0	24	2	21	1	3	2
Tổng cộng		3.098	691	3	4	3.094	688	1.715	386	1.379	419

1.2. Tàu cá có chiều dài từ 15 đến dưới 24m không báo cáo vị trí về bờ theo báo cáo của địa phương

Tỉnh/Thành phố mới	Tỉnh/Thành phố cũ	Năm 2024			Năm 2025		
		Số tàu mất kết nối (tàu)	Đã xử phạt (tàu)	Tỷ lệ xử phạt (%)	Số tàu mất kết nối (tàu)	Đã xử phạt (tàu)	Tỷ lệ xử phạt (%)
Quảng Ninh	Quảng Ninh	141	0	0%	30	0	0%

Tỉnh/Thành phố mới	Tỉnh/Thành phố cũ	Năm 2024			Năm 2025		
		Số tàu mất kết nối (tàu)	Đã xử phạt (tàu)	Tỷ lệ xử phạt (%)	Số tàu mất kết nối (tàu)	Đã xử phạt (tàu)	Tỷ lệ xử phạt (%)
Hải Phòng	Hải Phòng	160	5	3.10%	64	0	0%
Hung Yên	Thái Bình	3	3	100%	0	0	0%
Ninh Bình	Nam Định	472	65	13.77%	263	11	4.18%
	Ninh Bình	0	0	0%	0	0	0%
Thanh Hóa	Thanh Hóa	792	13	1.60%	345	3	1.40%
Nghệ An	Nghệ An	523	98	18.70%	175	2	1.10%
Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	34	0	0%	12	0	0%
Quảng Trị	Quảng Bình	470	3	0.01%	70	6	8.50%
	Quảng Trị	16	12	-	19	0	0%
Huế	Huế	309	0	0%	82	0	0%
Đà Nẵng	Đà Nẵng	351	24	6.84%	84	11	13.10%

Tỉnh/Thành phố mới	Tỉnh/Thành phố cũ	Năm 2024			Năm 2025		
		Số tàu mất kết nối (tàu)	Đã xử phạt (tàu)	Tỷ lệ xử phạt (%)	Số tàu mất kết nối (tàu)	Đã xử phạt (tàu)	Tỷ lệ xử phạt (%)
	Quảng Nam	96	55	57.30%	41	12	29.30%
Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	1595	0	0%	485	0	0%
Gia Lai	Bình Định	785	67	8.50%	288	11	3.80%
Đắk Lắk	Phú Yên	299	7	0.023%	55	15	27%
Khánh Hòa	Khánh Hòa	94	0	0%	15	1	6.66%
	Ninh Thuận	145	2	1.30%	0	0	0%
Lâm Đồng	Bình Thuận	657	0	0%	79	0	0%
TP HCM	Bà Rịa - Vũng Tàu	803	64	7.97%	23	3	13.04%
	TP. HCM	13	0	0%	4	0	0%
Đồng Tháp	Tiền Giang	4	4	100%	0	0	0%
Vĩnh Long	Bến Tre	0	0	0%	0	0	0%

Tỉnh/Thành phố mới	Tỉnh/Thành phố cũ	Năm 2024			Năm 2025		
		Số tàu mất kết nối (tàu)	Đã xử phạt (tàu)	Tỷ lệ xử phạt (%)	Số tàu mất kết nối (tàu)	Đã xử phạt (tàu)	Tỷ lệ xử phạt (%)
	Trà Vinh	134	0	0%	118	0	0%
Cần Thơ	Sóc Trăng	2	2	100%	2	2	100%
An Giang	Kiên Giang	681	57	8.40%	160	1	0.63%
Cà Mau	Bạc Liêu	0	0	0%	0	0	0%
	Cà Mau	1101	3	0.27%	336	3	0.89%
	Tổng số	9.680	484	5%	2.750	81	2.95%

II. MẮT KẾT NỐI VMS TRÊN 10 NGÀY TRÊN BIỂN KHÔNG QUAY VỀ BỜ

1. Tàu cá có chiều dài từ 24m trở lên

Tỉnh/Thành phố mới	Tỉnh/Thành phố cũ	Năm 2024				Năm 2025			
		Số tàu vi phạm	Số tàu đã xử phạt	Tỉ lệ %	Số tàu chưa xử phạt	Số tàu vi phạm	Số tàu đã xử phạt	Tỉ lệ %	Số tàu chưa xử phạt
Quảng Ninh	Quảng Ninh	0	0	0	0	0	0	0.0	0
Hải Phòng	Hải Phòng	3	1	33.3	2	0	0	0.0	0
Hưng Yên	Thái Bình	1	0	0.0	1	0	0	0.0	0
Ninh Bình	Nam Định	0	0	0.0	0	0	0	0.0	0
	Ninh Bình	0	0	0.0	0	0	0	0.0	0
Thanh Hóa	Thanh Hóa	25	6	24.0	19	2	0	0.0	2
Nghệ An	Nghệ An	36	2	5.6	34	5	0	0.0	5
Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	0	0	0.0	0	0	0	0.0	0
Quảng Trị	Quảng Bình	0	0	0.0	0	0	0	0.0	0
	Quảng trị	0	0	0.0	0	0	0	0.0	0
TP. Huế	TP. Huế	1	0	0.0	1	0	0	0.0	0

Tỉnh/Thành phố mới	Tỉnh/Thành phố cũ	Năm 2024				Năm 2025			
		Số tàu vi phạm	Số tàu đã xử phạt	Tỉ lệ %	Số tàu chưa xử phạt	Số tàu vi phạm	Số tàu đã xử phạt	Tỉ lệ %	Số tàu chưa xử phạt
Đà Nẵng	Đà Nẵng	0	0	0.0	0	0	0	0.0	0
	Quảng Nam	12	9	75.0	3	9	8	88.9	1
Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	26	7	26.9	19	4	0	0.0	4
Gia Lai	Bình Định	0	0	0.0	0	0	0	0.0	0
Đắk Lắk	Phú Yên	0	0	0.0	0	0	0	0.0	0
Khánh Hòa	Khánh Hòa	0	0	0.0	0	0	0	0.0	0
	Ninh Thuận	1	0	0.0	1	0	0	0.0	0
Lâm Đồng	Bình Thuận	3	0	0.0	3	0	0	0.0	0
TP. Hồ Chí Minh	BRVT	3	1	33.3	2	0	0	0.0	0
	TP. Hồ Chí Minh	0	0	0.0	0	0	0	0.0	0
Tiền Giang	Tiền Giang	4	4	100.0	0	0	0	0.0	0
Vĩnh long	Bến Tre	2	2	100.0	0	0	0	0.0	0
	Trà Vinh	1	0	0.0	1	0	0	0.0	0

Tỉnh/Thành phố mới	Tỉnh/Thành phố cũ	Năm 2024				Năm 2025			
		Số tàu vi phạm	Số tàu đã xử phạt	Tỉ lệ %	Số tàu chưa xử phạt	Số tàu vi phạm	Số tàu đã xử phạt	Tỉ lệ %	Số tàu chưa xử phạt
	Vĩnh Long	0	0	0.0	0	0	0	0.0	0
Cần Thơ	Sóc Trăng	0	0	0.0	0	0	0	0.0	0
Kiên Giang	Kiên Giang	19	9	47.4	10	1	0	0.0	1
Cà Mau	Bạc Liêu	0	0	0.0	0	0	0	0.0	0
	Cà Mau	0	0	0.0	0	0	0	0.0	0
	Tổng cộng	137	41	29.9	96	21	8	38.1	13

2. Tàu cá có chiều dài từ 15 đến dưới 24m theo báo cáo của địa phương

Tỉnh/Thành phố mới	Tỉnh/Thành phố cũ	Năm 2024			Năm 2025		
		Số tàu mất kết nối (tàu)	Đã xử phạt (tàu)	Tỷ lệ xử phạt (%)	Số tàu mất kết nối (tàu)	Đã xử phạt (tàu)	Tỷ lệ xử phạt (%)
Quảng Ninh	Quảng Ninh	0	0	0%	0	0	0%

Tỉnh/Thành phố mới	Tỉnh/Thành phố cũ	Năm 2024			Năm 2025		
		Số tàu mất kết nối (tàu)	Đã xử phạt (tàu)	Tỷ lệ xử phạt (%)	Số tàu mất kết nối (tàu)	Đã xử phạt (tàu)	Tỷ lệ xử phạt (%)
Hải Phòng	Hải Phòng	26	16	61.53%	2	0	0%
Hung Yên	Thái Bình	0	0	0%	0	0	0%
Ninh Bình	Nam Định	0	0	0%	0	0	0%
	Ninh Bình	0	0	0%	0	0	0%
Thanh Hóa	Thanh Hóa	109	18	16.50%	16	0	0%
Nghệ An	Nghệ An	135	19	14%	8	0	0%
Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	9	0	0%	0	0	0%
Quảng Trị	Quảng Bình	81	9	11%	0	0	0%
	Quảng Trị	55	0	0%	0	0	0%
Huế	Huế	242	0	0%	0	0	0%
Đà Nẵng	Đà Nẵng	0	0	0%	0	0	0%
	Quảng Nam	12	12	100%	14	4	28.60%

Tỉnh/Thành phố mới	Tỉnh/Thành phố cũ	Năm 2024			Năm 2025		
		Số tàu mất kết nối (tàu)	Đã xử phạt (tàu)	Tỷ lệ xử phạt (%)	Số tàu mất kết nối (tàu)	Đã xử phạt (tàu)	Tỷ lệ xử phạt (%)
Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	950	84	9.92%	58	3	5.17%
Gia Lai	Bình Định	13	9	69.23%	0	0	0%
Đắk Lắk	Phú Yên	3	3	100%	1	1	100%
Khánh Hòa	Khánh Hòa	6	2	33.33%	0	0	0%
	Ninh Thuận	5	0	0%	3	0	0%
Lâm Đồng	Bình Thuận	125	26	20.80%	8	0	0%
TP HCM	Bà Rịa - Vũng Tàu	68	24	35.29%	13	2	15.38%
	TP. HCM	0	0	0%	0	0	0%
Đồng Tháp	Tiền Giang	14	14	100%	2	2	100%
Vĩnh Long	Bến Tre	3	3	100%	0	0	0%
	Trà Vinh	0	0	0%	0	0	0%
Cần Thơ	Sóc Trăng	0	0	0%	1	1	100%

Tỉnh/Thành phố mới	Tỉnh/Thành phố cũ	Năm 2024			Năm 2025		
		Số tàu mất kết nối (tàu)	Đã xử phạt (tàu)	Tỷ lệ xử phạt (%)	Số tàu mất kết nối (tàu)	Đã xử phạt (tàu)	Tỷ lệ xử phạt (%)
An Giang	Kiên Giang	180	51	28.30%	22	0	0%
Cà Mau	Bạc Liêu	3	3	100%	1	1	100%
	Cà Mau	115	25	21.73%	13	3	23%
	Tổng số	2.154	318	15%	162	17	10.5%

III. TÀU CÁ VƯỢT RANH GIỚI CHO PHÉP KHAI THÁC TRÊN BIỂN

1. Tàu cá có chiều dài từ 24m trở lên

Tỉnh/Thành phố mới	Tỉnh/Thành phố cũ	NĂM 2024			Năm 2025		
		Số tàu vi phạm	Số tàu đã xử phạt	Số tàu chưa xử phạt	Số tàu vi phạm	Số tàu đã xử phạt	Số tàu chưa xử phạt
Thanh Hóa	Thanh Hóa	1	0	1	1	0	1
Đà Nẵng	Đà Nẵng	0	0	0	0	0	0
	Quảng Nam	4	0	4	0	0	0
Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	4	0	4	0	0	0
Tiền Giang	Tiền Giang	0	0	0	0	0	0
Vĩnh long	Bến Tre	1	0	1	0	0	0
	Trà Vinh	0	0	0	0	0	0
	Vĩnh Long	0	0	0	0	0	0
Kiên Giang	Kiên Giang	7	0	7	2	1	1
Cà Mau	Bạc Liêu	0	0	0	0	0	0
	Cà Mau	0	0	0	1	0	1
Tổng cộng		17	0	17	4	1	3

2. Tàu cá có chiều dài từ 15 đến dưới 24m theo báo cáo của địa phương

Tỉnh/Thành phố mới	Tỉnh/Thành phố cũ	Năm 2024			Năm 2025		
		Số tàu vượt ranh giới (tàu)	Đã xử phạt (tàu)	Tỷ lệ xử phạt (%)	Số tàu vượt ranh giới (tàu)	Đã xử phạt (tàu)	Tỷ lệ xử phạt (%)
Quảng Ninh	Quảng Ninh	0	0	0	1	0	0%
Hải Phòng	Hải Phòng	2	1	50	1	0	0%
Hưng Yên	Thái Bình	4	0	0	0	0	0%
Ninh Bình	Nam Định	1	1	100	0	0	0%
	Ninh Bình	0	0	0	0	0	0%
Thanh Hóa	Thanh Hóa	0	0	0	0	0	0%
Nghệ An	Nghệ An	2	0	0	1	1	100%
Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	0	0	0	0	0	0%
Quảng Trị	Quảng Bình	12	10	100	1	1	100%
	Quảng Trị	1	0	0	0	0	0%

Tỉnh/Thành phố mới	Tỉnh/Thành phố cũ	Năm 2024			Năm 2025		
		Số tàu vượt ranh giới (tàu)	Đã xử phạt (tàu)	Tỷ lệ xử phạt (%)	Số tàu vượt ranh giới (tàu)	Đã xử phạt (tàu)	Tỷ lệ xử phạt (%)
Huế	Huế	54	0	0	2	0	0%
Đà Nẵng	Đà Nẵng	28	0	0	0	0	0%
	Quảng Nam	1	1	100	1	0	0%
Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	59	2	2.90	21	1	5.88%
Gia Lai	Bình Định	11	4	36.36	37	15	40.54%
Đắk Lắk	Phú Yên	4	0	0	1	0	0%
Khánh Hòa	Khánh Hòa	0	0	0	0	0	0%
	Ninh Thuận	2	0	0	0	0	0%
Lâm Đồng	Bình Thuận	1	1	100	0	0	0%
TP HCM	Bà Rịa - Vũng Tàu	13	1	7.69	2	0	0%
	TP. HCM	0	0	0	0	0	0%

Tỉnh/Thành phố mới	Tỉnh/Thành phố cũ	Năm 2024			Năm 2025		
		Số tàu vượt ranh giới (tàu)	Đã xử phạt (tàu)	Tỷ lệ xử phạt (%)	Số tàu vượt ranh giới (tàu)	Đã xử phạt (tàu)	Tỷ lệ xử phạt (%)
Đồng Tháp	Tiền Giang	2	0	0	0	0	0%
Vĩnh Long	Bến Tre	0	0	0	0	0	0%
	Trà Vinh	0	0	0	0	0	0%
Cần Thơ	Sóc Trăng	0	0	0	0	0	0%
An Giang	Kiên Giang	46	2	4.30	9	0	0%
Cà Mau	Bạc Liêu	0	0	0	0	0	0%
	Cà Mau	20	0	0	8	1	12.5%
Tổng số		263	13	5%	85	19	22%